

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 79/2025/DS-ST

Ngày: 13-6-2025.

V/v: Tranh chấp hợp đồng
cầm cố, hợp đồng thuê và
hợp đồng vay tài sản

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Kim Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Lê Văn Minh
- Ông Nguyễn Minh Toàn

- Thư ký phiên tòa: Bà Bé Thị Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Duy Ngọc Thái – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 597/2024/TLST-DS ngày 16 tháng 12 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng cầm cố, hợp đồng thuê và hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 75/2025/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 82/2025/QĐST-DS ngày 04 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty cổ phần S tiền có ngay.

Địa chỉ: Số A N, phường B, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Kanokwatpaisal N – Giám đốc.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Anh Trần Thanh Q - Nhân viên (có mặt).

Địa chỉ: Số H Đ, phường A, quận F, thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1997 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 06/11/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án,

nguyên đơn Công ty cổ phần S tiền có ngay, có người đại diện anh Trần Thanh Q trình bày:

Ngày 14/5/2020, chị Nguyễn Thị M có cầm cố tài sản cho Công ty cổ phần S tiền có ngay theo Hợp đồng cầm cố ngày 14/5/2020. Tài sản cầm cố là 01 xe mô tô hai bánh biển số 63B3-72854, Loại xe: SH 150 I, giấy chứng nhận đăng ký xe do công an tỉnh T cấp ngày 16/4/2018. Số tiền cầm cố 29.900.000đồng, thời hạn cầm cố 12 tháng, mục đích cầm cố phục vụ tiêu dùng cá nhân và kinh doanh. Công ty đã giải ngân cho chị M vào ngày 14/5/2020, lãi suất cầm cố 1,1%/tháng, phí quản lý hồ sơ cố định 0.5%/tháng, lãi suất quá hạn 4%/tháng tính từ thời điểm phát sinh nợ quá hạn. Đồng thời vào ngày 14/5/2020, chị Nguyễn Thị M có đơn gửi Công ty xin mượn lại xe để phục vụ đi lại, thời gian mượn 01 tháng từ ngày 14/5/2020 đến ngày 14/6/2020, thỏa thuận phí mượn xe 3%/tháng. Công ty đã đồng ý cho khách hàng mượn lại tài sản nêu trên theo nguyện vọng và khách hàng cam kết thực hiện đúng nội dung đã ký cam kết trên hợp đồng và giấy mượn xe. Chị Nguyễn Thị M có cam kết trong giấy mượn xe, hoàn trả lại tài sản mượn đúng thời hạn và địa điểm đã thỏa thuận theo yêu cầu của Công ty. Kể từ ngày ký hợp đồng, Công ty đã giải ngân cho khách hàng số tiền 29.900.000đồng nhưng chị M chỉ thanh toán cho Công ty số tiền 6.905.000đồng, trong đó, tiền gốc 4.276.837đồng, lãi 634.625đồng, phí quản lý hồ sơ cố định 1.096.538đồng, phí mượn xe 897.000đồng. Chị Nguyễn Thị M đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đúng theo cam kết trong hợp đồng làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi của Công ty. Nay Công ty cổ phần S tiền có ngay yêu cầu chị Nguyễn Thị M phải thực hiện nghĩa vụ trả lại chiếc xe mô tô hai bánh biển số 63B3-72854, Loại xe: SH 150 I. Trường hợp chị Nguyễn Thị M không trả lại xe, yêu cầu chị M thanh toán số tiền tạm tính đến ngày 06/11/2024 là 91.165.533đồng. Ngoài ra chị M còn phải tiếp tục chịu lãi suất, phí phát sinh theo hợp đồng cầm cố và giấy mượn xe kể từ ngày 06/11/2024 cho đến khi thanh toán xong nợ.

** Tại đơn thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện ngày 20/01/2025:* Công ty cổ phần S tiền có ngay yêu cầu chị Nguyễn Thị M phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền cầm cố xe còn lại là 25.623.163đồng và số tiền lãi theo mức lãi suất pháp luật quy định tính thời điểm khách hàng vi phạm nghĩa vụ thanh toán từ ngày 14/8/2020 đến thời điểm xét xử sơ thẩm. Đồng thời yêu cầu chị Nguyễn Thị M phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền phí bảo dưỡng hao mòn tài sản theo giấy mượn tài sản là 15.249.000đồng và số tiền lãi theo mức lãi suất pháp luật quy định tính thời điểm khách hàng vi phạm nghĩa vụ thanh toán từ ngày 14/8/2020 đến thời điểm xét xử sơ thẩm.

** Đối với bị đơn chị Nguyễn Thị M:* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo thụ lý vụ án nêu rõ yêu cầu của nguyên đơn; thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đồng thời, triệu tập họp lệ chị Nguyễn Thị M nhiều lần nhưng chị M vắng mặt, không có văn bản trình bày ý kiến, không tham gia hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn Công ty cổ phần S tiền có ngay, có người đại diện anh Trần Thanh Q trình bày: Công ty cổ phần S tiền có ngay yêu cầu tuyên bố hợp đồng cầm cố ngày 14/5/2020 và giấy mượn xe ngày 14/5/2020 giữa Công ty cổ phần S tiền có ngay với chị Nguyễn Thị M là vô hiệu do giả tạo, buộc chị Nguyễn Thị M trả lại Công ty cổ phần S tiền có ngay số tiền vay và lãi còn nợ tính đến thời điểm xét xử ngày 13/6/2025 là 50.293.144đồng, yêu cầu trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn chị Nguyễn Thị M vắng mặt lần thứ hai, không có lý do.

Phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, tuyên bố hợp đồng cầm cố ngày 14/5/2020 và giấy mượn xe ngày 14/5/2020 giữa Công ty cổ phần S tiền có ngay với chị Nguyễn Thị M là vô hiệu do giả tạo, buộc chị Nguyễn Thị M trả lại Công ty cổ phần S tiền có ngay số tiền vay và lãi còn nợ tính đến thời điểm xét xử ngày 13/6/2025 là 50.293.144đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Công ty cổ phần S tiền có ngay yêu cầu tuyên bố hợp đồng cầm cố ngày 14/5/2020 và giấy mượn xe ngày 14/5/2020 giữa Công ty cổ phần S tiền có ngay với chị Nguyễn Thị M là vô hiệu do giả tạo, buộc chị Nguyễn Thị M trả lại Công ty cổ phần S tiền có ngay số tiền vay nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản, hợp đồng thuê tài sản và hợp đồng vay tài sản. Bị đơn chị Nguyễn Thị M có nơi cư trú tại xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn chị Nguyễn Thị M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Theo đơn khởi kiện ngày 06/11/2024, nguyên đơn Công ty cổ phần S tiền có ngay yêu cầu chị Nguyễn Thị M thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng cầm cố ngày 14/5/2020 và giấy mượn xe ngày 14/5/2020 giữa Công ty cổ phần S tiền có ngay với chị Nguyễn Thị M, yêu cầu chị Nguyễn Thị M trả số tiền cầm cố xe và phí mượn xe là 91.165.533đồng. Tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đại diện của nguyên đơn xác định hợp đồng cầm cố ngày 14/5/2020 và giấy mượn xe

ngày 14/5/2020 giữa Công ty cổ phần S tiền có ngay với chị Nguyễn Thị M là giao dịch giả tạo nên yêu cầu tuyên bố hợp đồng cầm cố ngày 14/5/2020 và giấy mượn xe ngày 14/5/2020 giữa Công ty cổ phần S tiền có ngay với chị Nguyễn Thị M là vô hiệu do giả tạo, buộc chị Nguyễn Thị M trả lại số vay và lãi 50.293.144đồng. Xét thấy, nguyên đơn tranh chấp liên quan đến hợp đồng cầm cố ngày 14/5/2020 và giấy mượn xe ngày 14/5/2020 và hậu quả của hợp đồng nên việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu theo quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Xét thấy, việc cầm cố xe và mượn xe đối với xe mô tô hai bánh biển số 63B3-728.54, Loại xe: SH 150 I giữa Công ty TNHH S1 (nay là Công ty cổ phần S tiền có ngay) với chị Nguyễn Thị M có xác lập bằng văn bản, tuy nhiên đại diện nguyên đơn xác định tại thời điểm cầm cố, mượn tài sản thực tế là Công ty cổ phần S tiền có ngay cho chị Nguyễn Thị M vay tiền nên việc ký kết hợp đồng cầm cố, giấy mượn xe cùng ngày 14/5/2020 là giả tạo nhằm che giấu hợp đồng vay nên giao dịch cầm cố và mượn xe giữa Công ty cổ phần S tiền có ngay với chị Nguyễn Thị M là vô hiệu theo quy định tại khoản 1 Điều 124 Bộ luật dân sự. Xét yêu cầu trả tiền vay và lãi của nguyên đơn, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 124 Bộ luật dân sự thì giao dịch giả tạo vô hiệu, còn giao dịch bị che giấu vẫn có hiệu lực nên hợp đồng vay tài sản giữa Công ty cổ phần S tiền có ngay với chị Nguyễn Thị M vẫn có hiệu lực. Công ty cổ phần S tiền có ngay yêu cầu chị M trả số tiền vay và lãi 50.293.144đồng. Do giao dịch vay tiền giữa các bên có tính lãi nên căn cứ Điều 468 Bộ luật dân sự, lãi suất chậm trả là 20%/năm tương đương 1,66%/tháng. Tại phiếu chi ngày 14/5/2020 (bút lục 11) của Công ty cổ phần S tiền có ngay thể hiện chị Nguyễn Thị M có nhận số tiền 29.900.000đồng của Công ty cổ phần S tiền có ngay nên chị M phải có nghĩa vụ trả lãi kể từ ngày 14/5/2020, tuy nhiên đại diện Công ty thừa nhận đến tháng 7/2020 chị M đã trả được số tiền gốc 4.276.837đồng nên Công ty yêu cầu chị M trả số tiền còn lại 25.623.163đồng là có căn cứ. Về lãi, đại diện Công ty thừa nhận chị M đã đóng lãi đến tháng 7/2020 nên chị M phải tiếp tục trả lãi tính từ thời điểm tháng 8/2020 theo mức lãi suất 1,66%/tháng tính đến thời điểm xét xử là 58 tháng tương ứng số tiền lãi là 24.669.981đồng (25.623.163 đồng x 1,66%/tháng x 58 tháng), tổng cộng số tiền vay và lãi là 50.293.144đồng. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo nêu rõ yêu cầu của nguyên đơn cho chị M được biết để chị M có quyền trình bày ý kiến nhưng chị M không có ý kiến nên chị M phải chịu hậu quả pháp lý của việc không có ý kiến theo quy định. Do vậy, yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần S tiền có ngay là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận, tuyên bố hợp đồng cầm cố ngày 14/5/2020 và giấy mượn xe ngày 14/5/2020 đối với xe mô tô hai bánh biển số 63B3-728.54, Loại xe: SH 150 I giữa Công ty TNHH S1 (nay là Công ty cổ phần S tiền có ngay) với chị Nguyễn Thị M là vô hiệu, buộc chị Nguyễn Thị M trả Công ty cổ phần S tiền có ngay số tiền vay và lãi 50.293.144đồng, thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị M phải chịu án phí trên số tiền phải thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết về án phí, lệ phí Tòa án.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa là đúng pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 124, Điều 463, Điều 466, Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự; Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty cổ phần S tiền có ngay.

Tuyên bố hợp đồng cầm cố ngày 14/5/2020 và giấy mượn xe ngày 14/5/2020 đối với xe mô tô hai bánh biển số 63B3-728.54, Loại xe: SH 150 I giữa Công ty TNHH S1 (nay là Công ty cổ phần S tiền có ngay) với chị Nguyễn Thị M là vô hiệu.

Buộc chị Nguyễn Thị M trả Công ty cổ phần S tiền có ngay số tiền vay và lãi 50.293.144đồng (năm mươi triệu hai trăm chín mươi ba ngàn một trăm bốn mươi bốn đồng), thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày Công ty cổ phần S tiền có ngay có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu chị Nguyễn Thị M chậm thi hành án thì chị Nguyễn Thị M còn phải chịu số tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí:

Chị Nguyễn Thị M phải chịu 2.514.657đồng án phí dân sự sơ thẩm.

H lại Công ty cổ phần S tiền có ngay số tiền tạm ứng án phí 641.000đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 12241 ngày 09/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

3. Về quyền kháng cáo:

Công ty cổ phần S tiền có ngay có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Chị Nguyễn Thị M có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- CCTHADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Hồ Thị Kim Hương